TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2017/HNST
Ngày: 23/11/2017
Về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/Ông Nguyễn Văn Xuôi;

2/Ông Nguyễn Văn Hòa;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham dự phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2017/TLST-HNGĐ, ngày11 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐST-HN ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 484, ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt –Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Cao Thị H trình bày: Do tìm hiểu quen biết nhau, được sự đồng ý của hai gia đình hai bên, chị với anh Thời đi đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào ngày 04/4/2010. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống anh Thời thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, từ đó hai người sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2012 cho đến nay. *Về con chung:* có một người tên Dương Hồng T, sinh ngày 04/10/2010, hiện đang sống với chị. *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung.*Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng*: Không có

Nay về hôn nhân: chị xin được ly hôn với anh Thời, về con chung: tùy theo

nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với chị thì chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Thời cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Văn T có lời trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân anh với chị H đi đến hôn nhân vào năm 2010, Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng, từ đó vợ chồng không sống chung với nhau được nên hai bên sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. *Về con chung:* có một người tên Dương Hồng T, sinh năm 2010, hiện đang sống với chị H. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay, Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn, về con chung anh đồng ý giao con cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Cao Thị Thu H; Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H với anh Dương Văn T; Về con chung: Công nhận cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con Dương Hồng T, sinh ngày 04/10/2010, về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa đặt ra để giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định của pháp luật.

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cao Thị Thu H và anh Dương Văn T xác lập vào năm 2010, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2010 nên hôn nhân giữa chị Cao Thị Thu H và anh Dương Văn T là hợp pháp.

Qúa trình chung sống hai bên không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống từ đó làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Hai bên không khắc phục được những khuyết điểm, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, không thể tiếp tục sống với nhau được nữa nên hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2012 cho đến nay. Những mẫu thuẫn này được thể hiện qua lời trình bày của anh Dương Văn T tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2017 và lời trình bày của chị Cao Thị Thu H tại bản khai và tại phiên tòa hôm nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Cao Thị Thu H và anh Dương Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Và nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ lại, vì vậy làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn, việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ phù hợp với điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có một người tên: Dương Hồng T, sinh ngày 04/10/2010, nguyện vọng của cháu T mong muốn được tiếp tục sống chung với chị H và chị H cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét, mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy cháu Dương Hồng T hiện còn nhỏ và hiện tại đang sống chung với chị H, từ khi chị H và anh T cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay, cháu T do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hằng ngày và đảm bảo tốt cho con trong cuộc sống, đối với anh T, hiện đi làm xa, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chu đáo được nên về con chung anh T đồng ý để cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi anh chị ly hôn là có căn cứ phù hợp với điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Vì vậy về con chung: Công nhận cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con Dường Hồng T, sinh ngày 04/10/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Cao Thị Thu H phải nộp theo qui định của pháp luật, anh Dương Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều điều 51, điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 227, 228 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H với anh Dương Văn T.

2/Về con chung: Công nhận cho chị Cao Thị Thu H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con Dương Hồng T, sinh ngày 04/10/2010.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

4/Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5/Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

6/Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Cao Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015 0012597 ngày 11/10/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi đương sự cư trú.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục Thi hành án;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.